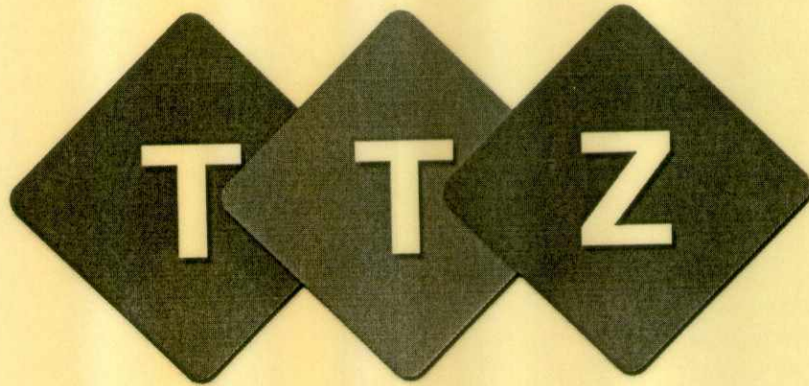


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2015

Thái Bình, tháng 07 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7 - 8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung đệ trình báo cáo này của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Ty	Chủ tịch
Ông Hoàng Anh Quyết	Thành viên
Bà Nguyễn Tuyết Nhung	Thành viên
Bà Hoàng Thị Kim	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Thông	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Văn Ty	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Phó Giám đốc
Ông Ngô Lê Qué	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Văn Ty

Giám đốc

Thái Bình, ngày 30 tháng 07 năm 2015.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG
 NGHỆ TIỀN TRUNG**

**Báo cáo tài chính
 Quý II năm tài chính 2015**

Địa chỉ: Cụm công nghiệp trà lý, xã Tây Lương, Tiên Hải, Thái Bình

Tel: 0363.683.162 Fax: 0363.683.162

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN - Quý II.2015

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50,341,507,200	44,093,106,764
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2,887,567,426	525,736,746
1. Tiền	111		2,887,567,426	525,736,746
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23,874,308,171	21,934,664,823
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		7,976,439,567	4,503,664,823
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14,897,868,604	13,781,000,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		1,000,000,000	3,650,000,000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139		-	-
III. Hàng tồn kho	140		22,132,840,488	21,000,051,082
1. Hàng tồn kho	141		22,132,840,488	21,000,051,082
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,446,791,115	632,654,113
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG
 Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

			1,446,791,115	632,654,113
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30,161,568,585	30,978,496,796
I. Tài sản cố định	220		10,161,568,585	10,978,496,796
1. Tài sản cố định hữu hình	221		10,161,568,585	10,978,496,796
- Nguyên giá	222		15,369,491,443	15,711,438,943
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5,207,922,858)	(4,732,942,147)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		20,000,000,000	20,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		20,000,000,000	20,000,000,000
III. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		80,503,075,785	75,071,603,560
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		22,105,158,883	18,929,631,405
I. Nợ ngắn hạn	310		22,105,158,883	18,929,631,405
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		7,832,876,795	6,725,127,153
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12,869,739,247	11,333,387,406
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		1,293,760,571	802,505,186
4. Phải trả ngắn hạn khác	319		108,782,270	68,611,660
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		58,397,916,902	56,141,972,155
I. Vốn chủ sở hữu	410		58,397,916,902	56,141,972,155
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52,500,000,000	52,500,000,000

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG
 Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52,500,000,000	52,500,000,000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5,897,916,902	3,641,972,155
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3,641,972,155	2,638,380,498
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2,255,944,747	1,003,591,657
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		80,503,075,785	75,071,603,560

Lập, ngày 30 tháng 07 năm 2015



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vũ Thị Hằng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG

Địa chỉ: Cụm công nghiệp trà lý, xã Tây Lương, Tiền Hải, Thái Bình
 Tel: 0363.683.162 Fax: 0363.683.162

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ II .2015

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		13,920,882,253	4,635,734,220	22,860,966,555	9,349,070,515
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		13,920,882,253	4,635,734,220	22,860,966,555	9,349,070,515
4. Giá vốn hàng bán	11		10,222,188,819	3,624,604,680	17,293,287,444	7,543,493,600
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		3,698,693,434	1,011,129,540	5,567,679,111	1,805,576,915
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		(262,554)	416,469	125,530	920,024
7. Chi phí tài chính	22		-	-	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25		825,939,333	405,912,499	892,889,200	480,276,164
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1,390,788,838	391,269,784	1,706,968,408	829,001,864

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG
 Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30	1,481,702,709	214,363,726	2,967,947,033	497,218,911
12. Thu nhập khác	31	-	-	100,000,000	-
13. Chi phí khác	32	(1,769,422)	-	175,710,178	-
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40	1,769,422	-	(75,710,178)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50	1,483,472,131	214,363,726	2,892,236,855	497,218,911
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	326,363,869	47,160,020	636,292,108	117,873,816
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60	1,157,108,262	167,203,706	2,255,944,747	379,345,095
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	-	-	-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	-	-	-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	-	-	-	-
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	-	-	-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Vũ Thị Hằng

Lập, ngày 30 tháng 07 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG

Địa chỉ: Cụm công nghiệp trà lý, xã Tây Lương, Tiên Hải, Thái Bình
 Tel: 0363.683.162 Fax: 0363.683.162

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT - QUÝ II.2015

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2,892,236,855	497,218,911
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		474,980,711	826,936,242
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(100,000,000)	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3,267,217,566	1,324,155,153
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2,575,935,456)	7,943,737,149
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1,132,789,406)	(6,568,001,853)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3,175,527,478	6,347,085,732
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(814,137,002)	262,336,883
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG
 Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1,919,883,180	9,309,313,064
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		341,947,500	(13,680,000,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		100,000,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(10,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		441,947,500	(23,680,000,000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	17,500,000,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	17,500,000,000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		2,361,830,680	3,129,313,064
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		525,736,746	773,806,820

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG
 Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		2,887,567,426	3,903,119,884



Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 30 tháng 07 năm 2015.

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Tiên Trung được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10/04/2003 và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17/12/2010. Cho đến nay, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 30/07/2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 26/04/2014 là 52.500.000.000 đồng.

Danh sách cổ đông sáng lập

<u>Danh sách cổ đông sáng lập</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Giá trị cổ phần(VNĐ)</u>	<u>Tỷ Lệ(%)</u>
Hoàng Văn Ty	655.400	6.554.000.000	18,73
Nguyễn Tuyết Nhung	500.000	5.000.000.000	14,29
Nguyễn Thị Mến	275.000	2.750.000.000	7,86
Đặng Ngọc Thông	157.500	1.575.000.000	4,50
Hoàng Thị Kim	157.500	1.575.000.000	4,50
<u>Cộng</u>	<u>1.745.400</u>	<u>17.454.000.000</u>	<u>49,87</u>

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2015 là 144 người (tại 31/12/2014 là 144 người).

Ngành nghề kinh doanh chính

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất bộ đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rằm, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát..., sản xuất đá xây dựng;

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng,...

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư số 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trong kỳ này, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến các báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong năm này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Ban giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư nợ phải thu tại ngày 31/12/2013 và không thấy có khoản phải thu nào cần phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Ban giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư hàng tồn kho tại ngày 31/06/2015 và không thấy có hàng tồn kho nào cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm sử dụng</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	9 – 15
Máy móc thiết bị	11 – 12
Phương tiện vận tải	8 – 10

Các khoản trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền chi mua máy tính, máy in và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn

(4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. (nếu có và lãi suất tiền gửi được đánh giá là trọng yếu).

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Cuối kỳ <u>VNĐ</u>	Đầu kỳ <u>VNĐ</u>
Tiền mặt	2.876.675.309	520.714.052
Tiền gửi ngân hàng	10.892.117	5.022.694
	<u>2.887.567.426</u>	<u>525.736.746</u>

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Cuối kỳ <u>VNĐ</u>	Đầu kỳ <u>VNĐ</u>
Công ty cổ phần ĐTXD và thiết kế Phú Thăng Long	272.114.500	1.493.787.500

Công ty TNHH Long triều	1.301.100.003	1.301.100.003
Công ty cổ phần xây lắp Tây Sơn	232.964.620	232.964.620
Công ty TNHH Thiên An Sơn	2.451.120.679	460.138.719
Công ty cổ phần Đầu tư Tân Phú	131.616.903	201.586.103
Các đối tượng khác	3.587.522.862	814.087.878
	<u>7.976.439.567</u>	<u>4.503.664.823</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>Cuối kỳ</u> <u>VND</u>	<u>Đầu kỳ</u> <u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.887.349.616	1.506.424.211
Hàng hóa	7.752.406.880	4.429.203.656
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.493.083.992	15.064.423.215
	<u>22.132.840.488</u>	<u>21.000.051.082</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Nhà cửa,</u> <u>vật kiến trúc</u> <u>VND</u>	<u>Máy móc,</u> <u>thiết bị</u> <u>VND</u>	<u>Phương tiện</u> <u>vận tải</u> <u>VND</u>	<u>Tổng cộng</u> <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	7.454.188.295	2.876.147.186	5.381.103.462	15.711.438.943
Mua trong năm	-	-	-	-
Ghi tăng do XDCB	-	-	-	-
Thanh lý tài sản	-	-	(341.947.500)	(341.947.500)
Tại ngày 30/06/2015	7.454.188.295	2.876.147.186	5.039.155.962	15.369.491.443
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Tại ngày 01/01/2015	1.481.948.019	1.284.040.556	1.966.953.572	4.732.942.147
Khấu hao trong kỳ	264.907.086	122.616.858	253.694.089	641.218.033
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(166.237.322)	-
Tại ngày 30/06/2015		1.406.657.413	2.054.410.340	5.207.922.858

1.746.855.102

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

<u>Tại ngày 01/01/2015</u>	<u>1.481.948.019</u>	<u>1.284.040.556</u>	<u>1.966.953.572</u>	<u>4.732.942.147</u>
<u>Tại ngày 30/06/2015</u>	<u>5.707.333.191</u>	<u>1.469.489.773</u>	<u>2.984.745.621</u>	<u>10.161.568.585</u>

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	<u>30/06/2015</u>
	<u>VND</u>
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình (*)	20.000.000.000
	<u>20.000.000.000</u>

Ghi chú: (*) Theo Quyết định Đại hội đồng cổ đông số 156 và 157/2012/BB – CT ngày 01/09/2012 và Biên bản hội đồng quản trị số 1021/2012/BB – CT ngày 01/09/2012 của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiến Trung quyết định góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình với số vốn góp là 10.000.000.000 đồng, ngày 03/04/2014 tăng vốn điều lệ lên 20.000.000.000 đồng chiếm 100% tổng vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình.

Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình đã hoàn thành đầu tư xây dựng dự án Nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại Xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận đầu tư số 25121000413 ngày 10/06/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình. Hiện nay, Nhà máy đã đi vào hoạt động ổn định và đang làm thủ tục quyết toán giá trị dự án.

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>Cuối kỳ</u> <u>VND</u>	<u>Đầu kỳ</u> <u>VND</u>
Công ty TNHH thương mại và vận tải Thái Thiện	1.651.660.895	1.651.660.895
Công ty TNHH Hiền Anh	543.219.300	1.050.069.300
Công ty TNHH Thép Hoàng Đạo	1.099.954.885	1.099.954.878
Khác	6.189.702.610	2.923.442.080
	<u>7.832.876.795</u>	<u>6.725.127.153</u>

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Cuối kỳ</u> <u>VND</u>	<u>Đầu kỳ</u> <u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	37.210.431	182.247.154
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.251.973.299	615.681.191

Thuế TNCN	4.576.841	4.576.841
	1.293.760.571	802.505.186

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Cộng VNĐ
Số dư ngày 01/01/2015	52.500.000.000	3.641.972.155	56.141.972.155
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-
- Lãi kinh doanh	-	1.098.836.485	1.098.836.485
- Tăng khác	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2015	52.500.000.000	4.740.808.640	57.240.808.640

Vốn điều lệ	Tỷ lệ %	Vốn đã góp tại Cuối kỳ VNĐ	Vốn đã góp tại Đầu kỳ VNĐ
Hoàng Văn Ty	12,5%	6.554.000.000	6.554.000.000
Nguyễn Xuân Khoa	17,1%	9.000.000.000	9.000.000.000
Nguyễn Tuyết Nhung	9,5%	5.000.000.000	5.000.000.000
Nguyễn Thị Mên	5,2%	2.750.000.000	2.750.000.000
Nguyễn Thị Kim	4,8%	2.500.000.000	2.500.000.000
Nguyễn Văn Nam	4,6%	2.400.000.000	2.400.000.000
Nguyễn Thị Linh	3,8%	2.000.000.000	2.000.000.000
Vũ Văn Vân	3,0%	1.600.000.000	1.600.000.000
Đặng Ngọc Thông	4,5%	1.575.000.000	1.575.000.000
Hoàng Thị Kim	4,5%	1.575.000.000	1.575.000.000
Các cổ đông khác	33,4%	17.456.000.000	17.456.000.000
	100%	52.500.000.000	52.500.000.000

13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý II/2015 VNĐ	Quý II/2014 VNĐ
Doanh thu bán hàng	3.597.231.600	1.413.242.415
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.323.650.653	3.222.491.805
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
	13.920.882.253	4.635.734.220

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Quý II/2015	Quý II/2014
-------------	-------------

	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.989.652.316	739.824.691
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.232.536.503	2.884.779.989
	<u>10.222.188.819</u>	<u>3.624.604.680</u>

15. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Quý II/2015	Quý II/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.483.472.131	214.363.726
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.483.472.131	214.363.726
Thuế suất	22%	22%
Thuế thu nhập Doanh nghiệp phải nộp	326.363.869	47.160.020
Thuế thu nhập Doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành	1.157.108.262	167.203.706

16. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty không phát sinh sự kiện sau ngày khóa sổ nào có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính Quý II/2015 của Công ty.

17. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán.



Hoàng Văn Ty
 Giám đốc

Thái Bình, ngày 30 tháng 07 năm 2014.

Vũ Thị Hằng
 Kế toán trưởng